



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38./2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu học phí, các khoản thu khác và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021

- Các trường THPT,
VĂN THỨC
Nghiêm túc Thực hiện
Ngày 18/10/2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 ngày 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 154/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Học phí đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập

a) Mức thu

Đơn vị tính : 1.000 đồng/tháng/học sinh

TT	Cấp học	Mức thu	
		Khu vực nông thôn	Khu vực thành phố
1	Mầm non:		
	- Nhà trẻ	63	82
	- Mẫu giáo	50	70
2	Trung học cơ sở	44	60
3	Trung học phổ thông	57	70
4	Trung học phổ thông Chuyên Hưng Yên		80

Trong đó: Khu vực thành phố gồm các cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các phường thuộc thành phố Hưng Yên. Khu vực nông thôn gồm các cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện, thành phố.

b) Phương thức thu

Học phí được thu định kỳ hàng tháng. Nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với các trường phổ thông, học phí thu 9 tháng/năm học; các cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học. Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Điều chỉnh mức thu

Căn cứ chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, nếu tổng chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm cộng dồn từ năm 2019 trở đi nhỏ hơn hoặc bằng 10% Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính thông báo điều chỉnh mức thu học phí; nếu tổng chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm cộng dồn từ năm 2019 trở đi lớn hơn 10% Ủy ban nhân dân tỉnh giao liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp.

2. Cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ngoài công lập tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên và thông báo công khai mức thu học phí từng năm học theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện thu học phí không vượt mức trần quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

4. Cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu học phí theo quy định tại Khoản 5, Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Điều 3. Các khoản thu khác

1. Các khoản thu dịch vụ không kinh doanh

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực nông thôn	Khu vực thành phố
1	Tiền học thêm			
	- Trung học cơ sở	đồng/tiết/học sinh	2.500	3.000
	- Trung học phổ thông	đồng/tiết/học sinh	3.000	3.500
	- Trung học phổ thông Chuyên Hưng Yên	đồng/tiết/học sinh		4.500
2	Tiền điện thấp sáng, chạy quạt lớp học	đồng/tháng/học sinh	7.000	8.000
3	Tiền nước uống của học sinh	đồng/tháng/học sinh	6.000	7.000
4	Tiền thuê dọn vệ sinh (mầm non, tiểu học)	đồng/tháng/học sinh	5.000	5.000
5	Tiền nội trú Ký túc xá	đồng/tháng/học sinh		80.000
6	Tiền trông xe cho học sinh			
	- Xe đạp	đồng/tháng/học sinh	6.000	7.000
	- Xe đạp điện	đồng/tháng/học sinh	12.000	15.000

Mức thu tiền học thêm trên là mức thu tối đa làm căn cứ cho việc thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

2. Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú

Mức thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; được UBND cấp xã nơi nhà trường đóng và phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Đối với các đơn vị nhà trường do phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố quản lý).

3. Đồng phục học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên.

Căn cứ vào sự đồng thuận của cha mẹ học sinh và điều kiện của nhà trường, Hiệu trưởng quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần. Cha mẹ học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục theo đúng quy định.

4. Quỹ Hội cha mẹ học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh và các văn bản khác của Nhà nước.

5. Các nguồn thu tài trợ

Thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản khác của Nhà nước.

6. Tiền bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ

Thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

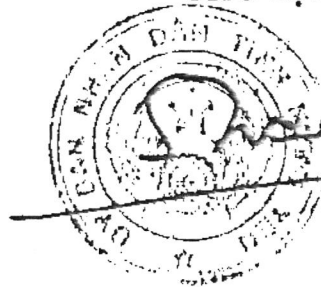
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mức thu các khoản thu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Hưng Yên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật-Sở Tư pháp;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng